

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Bình

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Lê Đình Thi
2. Ông Vũ Hùng Vương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:***
Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại nhà văn hóa thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST- HS ngày 9 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2023/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. LÝ VĂN Đ; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1974, tại Hà Giang; cư trú: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn V con bà Lý Thị S; vợ: Lý Thị M, con: có 3 con lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2023, có mặt.

2. ĐẶNG VĂN K; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1995, tại huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; cư trú: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn X con bà Bàn Thị Đ; vợ: Lý Thị D con: có 2 con lớn nhất 9 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2023, có mặt.

3. LÝ VĂN N; sinh ngày 04 tháng 7 năm 2001, tại Hà Giang; cư trú: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn Đ con bà Lý Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2023, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng T địa chỉ: Tổ 09, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, cán bộ Ban quản lý rừng đặc dụng T, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trương Văn Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 08 năm 2022 bị cáo Lý Văn Đ, Đặng Văn K, Lý Văn N đã thực hiện hành vi khai thác 02 cây gỗ (loại gỗ Kháo nhậm và Dung) có tổng khối lượng 5,008m³ (*Năm phẩy không trăm linh tám mét khối*), có giá trị là 8.282.350 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi hai ngàn ba trăm năm mươi đồng) tại Tiểu khu 126A, Khoảnh 12, Lô 12 rừng đặc dụng T, thuộc địa phận thôn K, xã P, thành phố H, mục đích để sửa nhà. Đến tháng 02/2023, Tổ công tác của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - T trong quá trình tuần tra đã phát hiện và lập biên bản thu giữ toàn bộ số gỗ trên và phát hiện ra hành vi vi phạm của các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lý Văn Đ khai: Từ năm 2008 gia đình bị cáo đến khu bảo tồn thiên nhiên rừng đặc dụng tự nhiên T (*khu vực thuộc thôn K, xã P, thành phố H*) để trồng thảo quả dưới tán cây rừng. Đến tháng 8/2022 (*không xác định được ngày*), bị cáo muốn sửa lại nhà nên nảy sinh ý định khai thác trái phép cây gỗ trong khu vực trồng thảo quả của gia đình trên rừng đặc dụng T để lấy gỗ. Bị cáo đến nhà Đặng Văn K (*là cháu rể*) và nói “*Bác sắp sửa nhà, mai mà hộ bác lên vườn thảo quả cắt hộ bác một cây gỗ mang về*”, K đồng ý nói “*Thôi được hộ bác một hai ngày*”. Sau đó bị cáo nhờ K chuẩn bị 01 chiếc cưa máy để cắt gỗ, K đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày hôm sau, bị cáo nói với con trai là Lý Văn N “*Bố đã nhờ anh K đi lên lán thảo quả để xẻ gỗ về sửa nhà, gọi cho anh K đi cùng hộ mang máy cưa lên lán để xẻ gỗ*”, N trả lời “*Ừ*”. Bị cáo nói tiếp với N “*Lên đây phát cỏ vườn thảo quả và nấu cơm*”, N đồng ý. Sau đó, bị cáo mang theo 05 lít xăng, 02 lít dầu nhớt thải, 01 dây dù dài 4,67m, 01 quả pin con thỏ và 01 con dao nhọn lên lán trên vườn thảo quả tại Tiểu khu 126A, Khoảnh 12, Lô 12 rừng đặc dụng T để khai thác gỗ.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, N và K đi đến lán thảo quả của bị cáo tại rừng đặc dụng T, các bị cáo cùng nhau ăn cơm trưa và nghỉ ngơi. Khoảng 14 giờ cùng ngày, K đổ xăng, dầu nhớt vào cưa máy rồi cùng bị cáo đi đến vị trí cây gỗ Kháo nhậm có chiều cao khoảng 15 mét, đường kính gốc 65 cm, có khối lượng 3,263m³, tại vườn thảo quả do bị cáo canh tác, K sử dụng cưa máy cắt xung

quanh gốc cây Kháo nhậm hạ đổ cây gỗ xuống vườn thảo quả. Khi cây Kháo nhậm đổ đã đổ vào 01 cây gỗ Dung gần đó, làm cây gỗ Dung bật gốc đổ theo. K và bị cáo dùng dao quắm, dao nhọn để chặt, tia cành cây Kháo nhậm, sau đó dùng thước để đo chiều dài thân cây và cắt cây gỗ thành 04 khúc, trong đó 01 khúc dài 0,4 mét, đường kính 65 cm; 01 khúc dài 3,7 mét, đường kính 57 cm; 01 khúc dài 3,7 mét, đường kính 50 cm; 01 khúc dài 7,4 mét, đường kính 44 cm; còn N cầm dao quắm đi phát dọn vườn thảo quả của gia đình và nấu cơm tối. Khoảng 17 giờ, bị cáo và K về lán rồi cùng N ăn cơm tối và nghỉ ngơi.

Ngày hôm sau, bị cáo và K bắt đầu tiến hành xẻ gỗ Kháo được 03 tấm ván có kích thước khác nhau. Ngày tiếp theo, bị cáo và Kiên tiếp tục cắt, xẻ cây gỗ Dung được 18 tấm ván. Đến khoảng tháng 9/2022, bị cáo mang theo 01 dây làm bằng da trâu, 01 móc sắt hình chữ U, một mình lên rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh vận chuyển gỗ đã xẻ về nhà. Trong thời gian khoảng 25 ngày, bị cáo vận chuyển được 12 tấm gỗ xẻ thành khí có khối lượng là $0,405 \text{ m}^3$ (quy tròn là $0,648 \text{ m}^3$) về nhà cất giữ ở gầm nhà sàn, không che đậy gì. Còn lại 09 tấm gỗ xẻ thành khí có khối lượng là $0,281 \text{ m}^3$ (quy tròn là $0,701 \text{ m}^3$), bị cáo chưa kịp vận chuyển.

Bị cáo Đặng Văn K khai: Bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo Đ là đúng. Khi được bị cáo Đ nhờ đi khai thác gỗ về để sửa chữa nhà ở nên bị cáo đồng ý. Bị cáo là người mang cửa đến khu đất trồng thảo quả của nhà bị cáo Đ trên khu rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh và cùng bị cáo Đ chặt hạ 02 cây gỗ, sau đó tiến hành dùng cửa xẻ thành các ván gỗ. Sau khi khai thác xong hai cây gỗ bị cáo về và không tham gia vận chuyển gỗ về nhà bị cáo Đ.

Bị cáo Lý Văn N khai: Bị cáo nghe thấy bị cáo Đ nói đi lấy gỗ về sửa nhà nên bị cáo đồng ý. Bị cáo là người gọi cho bị cáo Kiên và cùng mang cửa máy lên khu rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, tại khu vực khai thác 02 cây gỗ bị cáo không tham gia chặt hạ gỗ mà chỉ phụ giúp phát cây cối xung quanh, và mang lương thực thực phẩm lên nấu cơm cho bị cáo Đ và Kiên ăn, uống trong quá trình khai thác gỗ.

Đến tháng 02/2023, Tổ công tác của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Phong Quang - Tây Côn Lĩnh trong quá trình tuần tra đã phát hiện và lập biên bản thu giữ toàn bộ số gỗ trên để điều tra xác minh. Tại hiện trường khai thác phát hiện và thu giữ 09 tấm gỗ xẻ thành khí có khối lượng là $0,281 \text{ m}^3$ (quy tròn là $0,701 \text{ m}^3$). Ngoài ra, tại hiện trường còn 10 gốc, khúc, cành ngọn có khối lượng là $3,468 \text{ m}^3$ (Ba phẩy bốn sáu tám mét khối) đã bàn giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh bảo quản tại hiện trường. Như vậy, các bị cáo Đ, K, N khai thác trái phép tại rừng đặc dụng tự nhiên Tây Côn Lĩnh là 02 cây gỗ có tổng khối lượng $5,008 \text{ m}^3$ (Năm phẩy không trăm linh tám mét khối).

Ngày 10/3/2023, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh quyết định trưng cầu giám định tại Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam.

Tại bản Kết luận giám định số 119/CNR-VP ngày 16/3/2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận:

+ Cây số 1. Mẫu số A6 loại gỗ có tên Việt Nam là Kháo nhậm (*Kháo thom, Rè vàng*), tên khoa học là *Machilus odoratissima* Nees, nhóm IV;

+ Cây số 2. Mẫu số A7 loại gỗ có tên Việt Nam là là cây Dung (*Mu éch*), tên khoa học là *Symplocos* sp, nhóm VII.

Được xếp trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Hai loài cây gỗ giám định nêu trên không có tên trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ và “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ do vậy đây là các loài thông thường.

Loài *Kháo nhậm* (*Kháo thom, Rè vàng - Machilus odoratissima* Nees) có phân bố tự nhiên tại một số tỉnh của Việt Nam như Lào Cai, Sơn La, Hà Giang, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, ... Loài *Dung* (*Mu éch - Symplocos* sp.) là loài cây gỗ thuộc chi *Dung* (*Symplocos*) có phân bố tự nhiên ở các khu vực rừng xanh của Việt Nam thuộc nhiều tỉnh trên cả nước.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 02 (hai) cây gỗ tròn, có tổng khối lượng 5,008 m³ (*Năm phẩy không trăm linh tám mét khối*) gỗ *Kháo nhậm* (*Kháo thom, Rè vàng - Machilus odoratissima* Nees), gỗ loài thực vật thông thường, nhóm IV và gỗ *Dung* (*Mu éch - Symplocos* sp.), gỗ loài thực vật thông thường, nhóm VII có giá trị là **8.282.350 đồng** (*Tám triệu hai trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi đồng*). Trong đó:

- 01 (một) cây gỗ tròn, có khối lượng 3,263 m³, gỗ *Kháo nhậm* (*Kháo thom, Rè vàng - Machilus odoratissima* Nees), gỗ loài thực vật thông thường, nhóm IV có giá trị là 6.362.850 đồng (*Sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng*).

- 01 (một) cây gỗ tròn, có khối lượng 1,745 m³, gỗ *Dung* (*Mu éch - Symplocos* sp.), gỗ loài thực vật thông thường, nhóm VII có giá trị là 1.919.500 đồng (*Một triệu chín trăm mười chín nghìn năm trăm đồng*).

Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ những vật chứng gồm:

- 21 (hai mươi một) tấm gỗ xẻ thành khí, có khối lượng 0,686 m³, quy tròn là 1,097 m³ (*Một phẩy không chín bảy mét khối*) thuộc loài gỗ thông thường;

- 01 (một) cửa máy nhãn hiệu Husqvarna, màu sơn cam, lam xích dài 76cm, đã qua sử dụng; 01 (một) dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại đã bị hoen rỉ,

chuôi dao bằng gỗ, có kích thước dài 59 cm, rộng 03 cm, đã qua sử dụng, của Đặng Văn Kiên;

- 01 (một) can nhựa nhãn hiệu Song Long, loại 05 lít, màu vàng; 01 (một) dây bằng da trâu, có kích thước dài 1,20 mét, rộng 02 cm; 01 (một) dây dù, bị bám dính chất màu đen, có kích thước dài 4,67 mét, rộng 03 mm; 01 (một) dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại đã bị hoen rỉ, chuôi dao bằng gỗ, có kích thước dài 37 cm, rộng 03 cm; 01 (một) móc bằng kim loại, bị hoen rỉ, hình chữ U; 01 (một) bát con bằng sứ, loại bát ăn cơm, đã bị sứt mẻ, có hình hoa văn màu xanh, bị bám dính chất màu đen (đều đã qua sử dụng) của Lý Văn Đi.

Vật chứng nêu trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H để quản lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) thước cuộn loại 03 mét và 01 (một) dây dù dài 03 mét của K, bị thất lạc. Vì vậy, không thu giữ được vật chứng.

Đối với vật chứng là số gỗ tại hiện trường là 3,468m³ do địa hình hiểm trở không thể di chuyển về được. Ngày 09/3/2023, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh đã giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh chịu trách nhiệm trông coi, bảo quản tại hiện trường.

Bản cáo trạng số 16/CT- VKTPHG ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Lý Văn Đ, Đặng Văn K, Lý Văn N về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị.

- Tuyên bố: Các bị cáo Lý Văn Đ, Đặng Văn K, Lý Văn N về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

- Hình phạt: Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; điểm e khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn K từ 09 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 tháng đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; điểm e khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,3 Điều 36 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lý Văn N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao các bị cáo cho UBND xã P theo dõi, giáo dục các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106- BLTTHS; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện BTTH cho Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, đại diện BQL rừng đặc dụng không có đề nghị gì thêm, nên không giải quyết.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

Các bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Các bị cáo đều xác nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà giang đã truy tố là đúng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật. Các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt tù xin hứa sẽ chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Hạt trưởng Kiêm lâm, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Hạt trưởng Kiêm lâm, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận do muốn có gỗ để sửa chữa nhà nên đã cùng nhau vào khu rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh để khai thác gỗ. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản về việc xác định khối lượng, số lượng, chủng loại lâm sản và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án.

[3]. Đến tháng 02/2023, Tổ công tác của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh trong quá trình tuần tra đã phát hiện và lập biên bản thu giữ toàn

bộ số gỗ trên để điều tra xác minh được các bị cáo Đ, K, N khai thác trái phép tại rừng đặc dụng tự nhiên Tây Côn Lĩnh là 02 cây gỗ có tổng khối lượng 5,008m³ (*Năm phẩy không trăm linh tám mét khối*).

[4]. Tại bản Kết luận giám định số 119/CNR-VP ngày 16/3/2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận:

+ Cây số 1. Mẫu số A6 loại gỗ có tên Việt Nam là Kháo nhậm (*Kháo thơm, Rẻ vàng*), tên khoa học là *Machilus odoratissima* Nees, nhóm IV;

+ Cây số 2. Mẫu số A7 loại gỗ có tên Việt Nam là là cây Dung (*Mu éch*), tên khoa học là *Symplocos* sp, nhóm VII.

Được xếp trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hai loài cây gỗ giám định nêu trên không có tên trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ và “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ do vậy đây là các loài thông thường.

[6]. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 02 (*hai*) cây gỗ tròn, có tổng khối lượng 5,008 m³ (*Năm phẩy không trăm linh tám mét khối*) gỗ Kháo nhậm (*Kháo thơm, Rẻ vàng-Machilus odoratissima* Nees), gỗ loài thực vật thông thường, nhóm IV và gỗ Dung (*Mu éch - Symplocos* sp.), gỗ loài thực vật thông thường, nhóm VII có giá trị là 8.282.350 đồng (*Tám triệu hai trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi đồng*).

[7]. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 08 năm 2022, các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn N và Đặng Văn K đã thực hiện hành vi khai thác 02 cây gỗ (loại gỗ Kháo nhậm và gỗ Dung) có tổng khối lượng 5,008m³ (*Năm phẩy không trăm linh tám mét khối*), có giá trị là 8.282.350 đồng (*Tám triệu hai trăm tám mươi hai ngàn ba trăm năm mươi đồng*) tại Tiểu khu 126A, Khoảnh 12, Lô 12 rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, thuộc địa phận thôn K, xã P, thành phố H. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, từ việc khai thác rừng trái phép đã làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên, sẽ gây ra lụt lội, hạn hán, lũ quét làm ảnh hưởng trực tiếp người dân sinh sống trong vùng là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, cần áp dụng mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[9]. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng nhờ các bị cáo K và N vào rừng khai thác cây gỗ mục đích về sửa nhà cho bị cáo Đ. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo Đ cao hơn các bị cáo khác bị cáo để răn đe. Bị cáo K là đồng phạm giúp sức cùng thực hiện hành vi cắt, xẻ hai cây gỗ cho bị cáo Đ, giúp cho hành vi khai thác gỗ trái phép của bị cáo Đ được nhanh chóng thuận lợi, nên cần áp dụng hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng thấp hơn bị cáo Đ. Đối với bị cáo N tham gia với vai trò giúp sức là người phục vụ nấu cơm cho hai bị cáo Đ, K, tuy bị cáo có tham gia nhưng không trực tiếp khai thác chặt hạ cây gỗ nên cần áp dụng hình phạt nhẹ hơn cho các bị cáo tự rèn luyện tu dưỡng bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[10]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[11]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51- BLHS. Các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, bị cáo Đị không được đi học, nhận thức pháp luật hạn chế, sống trên núi cao điều kiện khó khăn đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51- BLHS.

[12]. Do các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo, nên cần áp dụng Điều 65- BLHS cho các bị cáo Đ và K được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, cũng đủ tính răn đe đối với các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo N phạm tội tham gia giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, nên áp dụng Điều 36 BLHS đối với bị cáo là phù hợp, vì bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

[13]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, sinh sống vùng khó khăn. Do vậy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự.

[14]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[15]. 21 (hai mươi mốt) tấm gỗ xẻ thành khí, có khối lượng 0,686 m³, quy tròn là 1,097 m³ (Một phẩy không chín bảy mét khối) thuộc loại gỗ thông thường là vật chứng vụ án nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[16]. 01 (một) cửa máy nhãn hiệu Husqvarna, màu sơn cam, lam xích dài 76cm, đã qua sử dụng; là vật chứng vụ án cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[17]. 01 (một) dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại đã bị hoen rỉ, chuôi dao bằng gỗ, có kích thước dài 59 cm, rộng 03 cm, đã qua sử dụng, của Đặng Văn

K; 01 (một) can nhựa nhãn hiệu S, loại 05 lít, màu vàng; 01 (một) dây bằng da trâu, có kích thước dài 1,20 mét, rộng 02 cm; 01 (một) dây dù, bị bám dính chất màu đen, có kích thước dài 4,67 mét, rộng 03 mm; 01 (một) dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại đã bị hoen rỉ, chuôi dao bằng gỗ, có kích thước dài 37 cm, rộng 03 cm; 01 (một) móc bằng kim loại, bị hoen rỉ, hình chữ U; 01 (một) bát con bằng sứ, loại bát ăn cơm, đã bị sứt mẻ, có hình hoa văn màu xanh, bị bám dính chất màu đen (đều đã qua sử dụng) của Lý Văn Đ. Đây là số công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội không giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[18]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, nên không xem xét giải quyết.

[19]. Đối với hành vi tự ý sử dụng đất và lập lán trong rừng đặc dụng của Lý Văn Đ: Từ năm 2008 đến nay, bị cáo Đì trồng cây thảo quả tại rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh với diện tích khoảng hơn 0,4 ha và dựng lán tại khu vực canh tác. Hành vi tự ý sử dụng đất và lập lán trong rừng đặc dụng của Đ có dấu hiệu vi phạm hành chính và thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh. Tại báo cáo kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm số 53/BC-HKL ngày 27/3/2023 của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh đánh giá thực trạng: Hiện nay tỉnh Hà Giang đang tạo điều kiện cho nhân dân sống gần rừng phát triển kinh tế bằng hình thức trồng cây thảo quả dưới tán rừng (*cây xoá đỏi giảm nghèo*). Do đó, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng P - Tây Côn Lĩnh không xem xét xử lý vi phạm hành chính đối với Lý Văn Đ là đúng

[20]. Đối với Ban quản lý rừng đặc dụng T: Quá trình điều tra xác định, chủ rừng là Ban quản lý rừng đặc dụng T do ông Cao Đạo Q làm Giám đốc. Nhiệm vụ của Ban quản lý là bảo tồn các loài động, thực vật trong khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh. Sau khi được nhà nước giao rừng, Ban quản lý đã triển khai công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng Ban quản lý đã thực hiện các biện pháp sau: Hàng tháng Ban quản lý xây dựng kế hoạch tuần rừng giao cho viên chức quản lý địa bàn phối hợp với cộng đồng thôn Khuổi My tiến hành tuần rừng ít nhất 01 lần/tháng; tổ chức tuyên truyền nhân dân ký cam kết phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng; giao khoán cho cộng đồng thôn K thực hiện giải pháp bảo vệ rừng; phối hợp với UBND xã và Tổ bảo vệ rừng của thôn tổ chức các cuộc tuần rừng; chi trả đầy đủ chế độ chính sách bảo vệ rừng cho người dân; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững trình Sở nông nghiệp tỉnh Hà Giang cấp kinh phí triển khai thực hiện; phân công công chức viên chức phụ trách địa bàn; có quy chế làm việc trách nhiệm của công chức, viên chức trong khi thực thi nhiệm vụ. Về vụ việc xảy ra, Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh đã kịp thời phát hiện và phối hợp Hạt Kiểm lâm ngăn chặn và xử lý. Điều tra, xác minh và khởi tố vụ án theo quy định. Xét thấy chủ rừng đã thực hiện đúng các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Vì vậy, cơ quan CSĐT không xem xét, xử lý là phù hợp.

[21]. Đối với cộng đồng thôn K (đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng để cung ứng dịch vụ môi trường rừng), đại diện là ông Tương Văn Đ (Trưởng thôn) diện

tích 537,45 ha gồm 95 lô, 13 khoảnh. Sau khi nhận khoán bảo vệ rừng, thôn K đã lập ra Tổ bảo vệ rừng, trong đó ông Trương Văn Đ là Tổ trưởng. Thôn K tổ chức cho nhân dân ký cam kết phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng. Tổ bảo vệ rừng của thôn đã phối hợp với Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, UBND xã tuyên truyền nhân dân không phá rừng, tuân tra thực hiện theo quy chế, phân công thành viên thay nhau đi tuần rừng. Khi không có cán bộ của Ban quản lý, UBND xã cùng tham gia, tổ hoạt động độc lập trong công tác tuần tra bảo vệ rừng sau đó báo cáo với Ban quản lý và UBND xã. Lịch tuần rừng từ 01-02 cuộc/tháng. Ngày 27/02/2023, Tổ bảo vệ rừng phối hợp với Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, UBND xã tuần rừng kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm của Đ, K và N. Xét thấy, tổ bảo vệ rừng đã làm đúng trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Vì vậy, cơ quan CSĐT không xem xét, xử lý là phù hợp.

[22]. Đối với Lý Thị M: Quá trình điều tra xác định, bà M không biết nguồn gốc số gỗ do bị cáo Đ mang về để sửa nhà. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý là đúng quy định.

[23]. Các Bị cáo Đ, K, N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lý Văn Đ, Đặng Văn K, Lý Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”

2. Hình phạt:

- Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; điểm e khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/7/2023.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn K 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/7/2023.

Giao bị cáo Lý Văn Đ, Đặng Văn K cho Ủy ban nhân dân xã P, TP Hà, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã P, TP H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng Điều 17, 38, 50, 58; điểm e khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 3 Điều 36 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lý Văn N 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Lý Văn N cho Ủy ban nhân dân xã P, TP H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản án. Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100-Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 21 (hai mươi một) tấm gỗ xẻ thành khí, có khối lượng 0,686 m³, quy tròn là 1,097 m³ (Một phẩy không chín bảy mét khối) thuộc loài gỗ thông thường; 01 (một) cửa máy nhãn hiệu Husqvarna, màu sơn cam, lam xích dài 76cm, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại đã bị hoen rỉ, chuôi dao bằng gỗ, có kích thước dài 59 cm, rộng 03 cm, đã qua sử dụng, của Đặng Văn Kiên; 01 (một) can nhựa nhãn hiệu Song Long, loại 05 lít, màu vàng; 01 (một) dây bằng da trâu, có kích thước dài 1,20 mét, rộng 02 cm; 01 (một) dây dù, bị bám dính chất màu đen, có kích thước dài 4,67 mét, rộng 03 mm; 01 (một) dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại đã bị hoen rỉ, chuôi dao bằng gỗ, có kích thước dài 37 cm, rộng 03 cm; 01 (một) móc bằng kim loại, bị hoen rỉ, hình chữ U; 01 (một) bát con bằng sứ, loại bát ăn cơm, đã bị sứt mẻ, có hình hoa văn màu xanh, bị bám dính chất màu đen (đều đã qua sử dụng) của Lý Văn Đ.

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 05/7/2023

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lý Văn Đ, Đặng Văn K, Lý Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát ND TP. H;
- Công an TP.H;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H;
- CQ thi hành án hình sự;
- Các Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- UBND xã P ,
- TP H, T. Hà Giang;
- Lưu HS-BP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình